

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP.HCM**

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở giao dịch chứng khoán TP.HCM

I. GIỚI THIỆU VỀ TỔ CHỨC CÔNG BỐ THÔNG TIN:

1. Tên tổ chức: Công ty Cổ phần Cao su Thông Nhất
2. Mã chứng khoán: TNC
3. Địa chỉ trụ sở chính: 256 đường 27/4, P.Phước Hưng, TP.Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
4. Điện thoại: 0254.3823119 Fax: 0254.3823120

II. NGƯỜI THỰC HIỆN CÔNG BỐ THÔNG TIN:

1. Họ và tên: Nguyễn Nhật Thành Lâm
2. Địa chỉ: 256 đường 27/4, P.Phước Hưng, TP.Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
3. Điện thoại: 0254.3823119 Fax: 0254.3823120
4. Loại thông tin công bố: 24h.

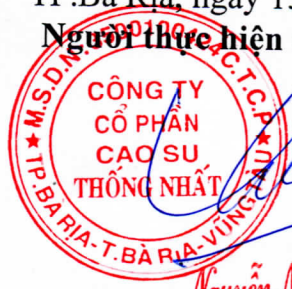
III. NỘI DUNG THÔNG TIN CÔNG BỐ:

Báo cáo tài chính năm 2020 đã được soát xét.

Thông tin này được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty tại đường dẫn <http://trc.com.vn/quanhecodong.html>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

TP. Bà Rịa, ngày 15 tháng 3 năm 2021
Người thực hiện công bố thông tin


Nguyễn Nhật Thành Lâm

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT

**Báo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020**

Mã số doanh nghiệp: 3500100424



MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	1-2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3
BÁO CÁO TÀI CHÍNH	
Bảng cân đối kế toán	4-5
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	6
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	7
Bản thuyết minh báo cáo tài chính	8-27

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THÔNG NHẤT
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

5. Công bố trách nhiệm của Ban giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính và đảm bảo Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc vào cùng ngày của Công ty. Để lập Báo cáo tài chính này, Ban giám đốc Công ty được yêu cầu:

- Lựa chọn phù hợp và áp dụng nhất quán các chính sách kế toán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Trình bày các nguyên tắc kế toán đang được áp dụng, tùy thuộc vào sự khác biệt trọng yếu công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính;
- Lập các báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi giả thuyết Công ty sẽ tiếp tục hoạt động không còn phù hợp; và
- Thiết lập, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ nhằm ngăn chặn và phát hiện gian lận và sai sót.

Ban giám đốc Công ty cam kết rằng đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Ban giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo sổ kế toán được ghi chép đầy đủ, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty và đảm bảo Báo cáo tài chính của Công ty tuân thủ các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

6. Phê duyệt các báo cáo tài chính

Chúng tôi phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cùng với bản thuyết minh đính kèm cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt Hội đồng Quản trị



Ông NGUYỄN HỮU MANH NHƯỜNG
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

TP. Bà Rịa, ngày 15 tháng 3 năm 2021

Số : TNRUB/022.HCM.20

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**Kính gửi: Quý Cổ đông
Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty cổ phần Cao su Thống Nhất ("Công ty"), được lập ngày 15 tháng 3 năm 2021 từ trang 4 đến trang 27, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban giám đốc

Ban giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

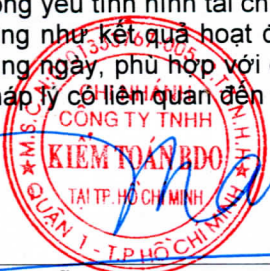
Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty cổ phần Cao su Thống Nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.


NGUYỄN THỊ THANH
Phó Giám đốc

Giấy CN ĐKHN kiểm toán số : 0185-2018-038-1


TRẦN THỊ MAI HƯƠNG
Kiểm toán viên

Giấy CN ĐKHN kiểm toán số: 0417-2018-038-1

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN BDO – CHI NHÁNH TẠI TP. HỒ CHÍ MINH

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 3 năm 2021

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2020

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020 VND	31/12/2019 VND
TÀI SẢN				
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		208.456.687.733	206.082.235.935
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4.1	22.514.405.476	1.256.588.609
Tiền	111		14.514.405.476	1.256.588.609
Các khoản tương đương tiền	112		8.000.000.000	-
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	4.2	147.000.000.000	168.000.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		147.000.000.000	168.000.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		13.678.546.646	11.304.857.578
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	4.3	6.707.874.263	8.752.891.100
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	4.4	4.901.245.600	340.000.000
Phải thu ngắn hạn khác	136	4.5	7.084.482.458	7.287.522.153
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	4.6	(5.015.055.675)	(5.075.555.675)
Hàng tồn kho	140	4.7	24.911.535.948	25.518.058.943
Hàng tồn kho	141		24.911.535.948	25.518.058.943
Tài sản ngắn hạn khác	150		352.199.663	2.730.805
Thuế GTGT được khấu trừ	152	4.14	-	-
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	4.14	352.199.663	2.730.805
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		175.555.730.631	147.802.478.098
Tài sản cố định	220		65.215.682.076	60.810.420.142
Tài sản cố định hữu hình	221	4.8	65.215.682.076	60.753.753.477
Nguyên giá	222		138.994.258.943	130.024.292.199
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(73.778.576.867)	(69.270.538.722)
Tài sản cố định vô hình	227	4.9	-	56.666.665
Nguyên giá	228		340.000.000	340.000.000
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(340.000.000)	(283.333.335)
Tài sản dở dang dài hạn	240		50.563.989.751	56.180.684.881
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	4.10	50.563.989.751	56.180.684.881
Đầu tư tài chính dài hạn	250	4.2	57.311.175.704	26.811.175.704
Đầu tư dài hạn khác	253		26.811.175.704	26.811.175.704
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		30.500.000.000	-
Tài sản dài hạn khác	260		2.464.883.100	4.000.197.371
Chi phí trả trước dài hạn	261	4.11	2.350.504.079	3.873.718.350
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	4.12	114.379.021	126.479.021
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		384.012.418.364	353.884.714.033

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2020

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020 VND	31/12/2019 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ	300		39.317.847.778	27.847.898.273
Nợ ngắn hạn	310		22.317.847.778	18.847.898.273
Phải trả người bán ngắn hạn	311	4.13	753.451.848	918.432.119
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		632.600.000	632.600.000
Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	313	4.14	56.859.071	790.861.913
Phải trả người lao động	314		8.196.858.887	4.156.072.075
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	4.15	149.410.000	1.411.376.126
Phải trả ngắn hạn khác	319	4.16	2.398.861.151	2.157.706.942
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	322	4.17	10.129.806.821	8.780.849.098
Nợ dài hạn	330		17.000.000.000	9.000.000.000
Phải trả dài hạn khác	337	4.16	17.000.000.000	9.000.000.000
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	4.18	344.694.570.586	326.036.815.760
Vốn chủ sở hữu	410		344.694.570.586	326.036.815.760
Vốn cổ phần	411		192.500.000.000	192.500.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		192.500.000.000	192.500.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
Quỹ đầu tư phát triển	418		95.474.011.654	95.474.011.654
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		56.720.558.932	38.062.804.106
- Các năm trước	421a		1.822.474.106	-
- Năm hiện hành	421b		54.898.084.826	38.062.804.106
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		384.012.418.364	353.884.714.033



NGUYỄN NHẬT THÀNH LÂM

Tổng giám đốc

TP. Bà Rịa, ngày 15 tháng 3 năm 2021

TRẦN HỮU TRÍ

Kế toán trưởng/ người lập

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

	Mã số	Thuyết minh	2020 VND	2019 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		53.686.359.737	59.544.782.962
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
Doanh thu thuần	10	5.1	53.686.359.737	59.544.782.962
Giá vốn hàng bán	11	5.2	49.059.389.850	54.844.679.844
Lợi nhuận gộp	20		4.626.969.887	4.700.103.118
Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.3	53.210.360.189	44.061.199.752
Chi phí tài chính	22		-	89.134.247
<i>Trong đó: chi phí lãi vay</i>	23		-	89.134.247
Chi phí bán hàng	25	5.4	43.715.000	90.443.182
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.5	10.909.144.017	6.515.744.824
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		46.884.471.059	42.065.980.617
Thu nhập khác	31	5.6	11.190.323.138	3.334.476.691
Chi phí khác	32	5.7	956.767.889	6.075.272.251
Lợi nhuận khác	40		10.233.555.249	(2.740.795.560)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		57.118.026.308	39.325.185.057
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	5.8	2.207.841.482	1.247.180.951
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	5.8	12.100.000	15.200.000
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		54.898.084.826	38.062.804.106
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5.9	2.425	1.595 (*)
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	5.9	2.425	1.595 (*)

(*) Lãi cơ bản trên cổ phiếu của năm 2019 (năm trước) được trình bày lại trên Báo cáo kết quả kinh doanh năm nay (thuyết minh 5.9)



NGUYỄN NHẬT THÀNH LÂM

Tổng giám đốc

TP. Bà Rịa, ngày 15 tháng 3 năm 2021

TRẦN HỮU TRÍ

Kế toán trưởng/ người lập

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THÔNG NHẤT

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

	Mã số	2020 VND	2019 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận trước thuế	01	57.118.026.308	39.325.185.057
<i>Điều chỉnh cho các khoản</i>			
Khấu hao tài sản cố định	02	7.313.596.815	6.602.136.157
Hoàn nhập các khoản dự phòng	03	(60.500.000)	(106.000.000)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(63.243.655.962)	(46.806.191.071)
Chi phí lãi vay	06	-	89.134.247
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	1.127.467.161	(895.735.610)
Giảm/(tăng) các khoản phải thu	09	2.481.789.311	(1.075.732.619)
Giảm/(tăng) hàng tồn kho	10	606.522.995	(8.269.968.086)
Tăng các khoản phải trả	11	10.260.731.704	267.120.545
Giảm/(tăng) chi phí trả trước	12	1.523.214.271	(2.144.087.821)
Tiền lãi vay đã trả	14	-	(89.134.247)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(2.761.925.762)	(1.296.451.187)
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(5.704.372.277)	(7.032.161.180)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	7.533.427.403	(20.536.150.205)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua sắm, XD TSCĐ và các TSDH khác	21	(14.362.171.616)	(5.819.493.774)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và TSDH khác	22	13.951.828.170	4.902.735.623
Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(9.500.000.000)	(33.000.000.000)
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	52.444.857.410	42.092.696.973
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	42.534.513.964	8.175.938.822
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	-	10.000.000.000
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	-	(10.000.000.000)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(28.810.124.500)	(18.242.071.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(28.810.124.500)	(18.242.071.000)
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ	50	21.257.816.867	(30.602.282.383)
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU KỲ	60	1.256.588.609	31.858.870.992
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI KỲ	70	22.514.405.476	1.256.588.609



NGUYỄN NHẬT THÀNH LÂM

Tổng giám đốc

TP. Bà Rịa, ngày 15 tháng 3 năm 2021

TRẦN HỮU TRÍ

Kế toán trưởng/ người lập

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

Công ty cổ phần Cao su Thống Nhất (dưới đây gọi tắt là “Công ty”) được chuyển thể từ doanh nghiệp nhà nước – Công ty Cao su Thống Nhất - theo Quyết định số 22/2005/QĐ-TTg ngày 26 tháng 1 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt phương án tổng thể sắp xếp, đổi mới một số doanh nghiệp nhà nước trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu và theo Quyết định số 4993/QĐ.UBND ngày 23 tháng 12 năm 2005 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Ngày 26 tháng 6 năm 2006, Công ty Cao su Thống Nhất chính thức chuyển thành Công ty cổ phần Cao su Thống Nhất và hoạt động theo chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cổ phần số 3500100424 (số cũ là 4903000263) ngày 26 tháng 6 năm 2006 và thay đổi lần thứ ba ngày 15 tháng 7 năm 2016 do Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp, tên giao dịch quốc tế là Thong Nhat Rubber Joint Stock Company (TRC) và vốn điều lệ của công ty cổ phần là 192,5 tỷ VND.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là TNC.

Văn phòng chính của Công ty được đặt tại 256 đường 27/4, phường Phước Hưng, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Các đơn vị trực thuộc của Công ty:

- Nông trường cao su Hòa Bình 2;
- Nhà máy chế biến cao su và gỗ Bàu Non;
- Đội cao su Phong Phú;
- Đội nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao Thống Nhất;
- Xí nghiệp chế biến nông sản Phước Hưng (tạm ngừng hoạt động từ tháng 6 năm 2019).

Trong năm tài chính này, hoạt động chủ yếu của Công ty là trồng và khai thác cao su, chuối; chế biến và kinh doanh các loại cao su và nông sản.

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là trong vòng 12 tháng.

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2020, số lượng công nhân viên của Công ty là 281 người (vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 265 người).

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính được trình bày bằng đồng Việt Nam (“VND”), được lập theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Năm tài chính của Công ty được bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định kế toán hiện hành khác tại Việt Nam đòi hỏi Ban giám đốc phải có những ước tính và giả định có ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về tài sản, nợ và việc trình bày các khoản tài sản và nợ tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ tài chính. Kết quả thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền vào ngày lập bảng cân đối kế toán.

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập bảng cân đối kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

3.4 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính trừ chi phí bán hàng ước tính.

Hàng tồn kho được ghi nhận theo phương pháp kê khai thường xuyên và giá xuất kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do giảm giá vật tư, thành phẩm, hàng hoá tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty có thể xảy ra (giảm giá, kém phẩm chất, lỗi thời...) dựa trên bằng chứng hợp lý về sự giảm giá trị vào thời điểm cuối năm tài chính. Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trong năm.

3.5 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá của một tài sản cố định bao gồm giá mua và các khoản chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đó vào sử dụng. Những chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được chuyển hóa thành tài sản cố định, những chi phí bảo trì và sửa chữa được ghi vào chi phí của năm hiện hành.

Khi bán hay thanh lý tài sản, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế của tài sản được xóa sổ trong các báo cáo tài chính và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được tính theo phương pháp khấu hao đường thẳng theo thời gian hữu ích ước tính của các tài sản như sau :

Nhà cửa, vật kiến trúc	3 - 20 năm
Máy móc thiết bị	5 - 12 năm
Phương tiện vận tải	5 - 7,5 năm
Dụng cụ quản lý	4 - 7 năm
Vườn cây lâu năm (được đề cập tại thuyết minh 3.7 dưới đây)	

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

3.6 Tài sản cố định vô hình

Phần mềm quản lý vườn cây được ghi nhận như tài sản cố định vô hình và được khấu hao trong thời gian 6 năm.

3.7 Vườn cây lâu năm

Vườn cây cao su đưa vào khai thác

Nguyên giá của vườn cây cao su khi đưa vào khai thác được xác định dựa trên diện tích và số cây khai thác nhân với suất đầu tư. Khi thanh lý vườn cây cao su, phần chênh lệch giữa giá trị thu hồi và giá trị còn lại của vườn cây cao su được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm.

Khấu hao của vườn cây cao su được tính theo phương pháp đường thẳng theo thời gian khai thác ước tính từ 15 đến 20 năm.

Vườn cây mít đưa vào khai thác

Nguyên giá của vườn cây mít bao gồm chi phí mua cây giống và các khoản chi phí liên quan trực tiếp từ lúc bắt đầu trồng đến khi đưa tài sản đó vào khai thác (khoảng 18 tháng). Khi thanh lý vườn cây mít, phần chênh lệch giữa giá trị thu hồi và giá trị còn lại của vườn cây mít được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm.

Khấu hao của vườn cây mít được tính theo phương pháp đường thẳng theo thời gian khai thác ước tính là 8 năm.

3.8 Xây dựng cơ bản dở dang (“XDCB”)

Vườn cây cao su và mít

Vườn cây cao su và mít trong giai đoạn đầu tư được ghi nhận như chi phí xây dựng cơ bản dở dang và không trích khấu hao cho đến khi vườn cây cao su và mít được đưa vào khai thác.

Xây dựng cơ bản dở dang khác

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang khác là chi phí xây dựng các công trình chưa hoàn thành, mua sắm máy móc thiết bị chưa nghiệm thu và không trích khấu hao trong suốt giai đoạn đầu tư xây dựng dở dang.

3.9 Chi phí trả trước dài hạn

Các chi phí trả trước dài hạn chủ yếu bao gồm chi phí công cụ dụng cụ xuất dùng, chi phí cải tạo nhà máy và cơ sở hạ tầng của nông trường cao su và chi phí liên quan đến dự án trồng chuối. Các chi phí này được phân bổ kết quả hoạt động kinh doanh trong khoảng thời gian trả trước hoặc khoảng thời gian của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này trong vòng 5 năm.

3.10 Các khoản đầu tư

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản mà Ban giám đốc có ý định và khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và trái phiếu ngân hàng. Các khoản đầu tư này được thể hiện theo nguyên giá trừ dự phòng giảm giá các khoản đầu tư.

3.10 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau khi ghi nhận ban đầu, khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận góp vốn phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp lỗ đã được dự kiến khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận góp vốn đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho khoản lỗ đã được lập dự phòng trước đây.

3.11 Các khoản phải trả và phải trả khác

Các khoản phải trả thương mại và phải trả khác được thể hiện theo nguyên giá.

3.12 Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận là các chi phí phát sinh trong năm nhưng đến cuối năm chưa chi trả và việc ghi nhận chi phí phải trả phải được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

3.13 Thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại như thuê hoạt động khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian thuê hoạt động.

3.14 Hợp đồng hợp tác kinh doanh

Công ty và Công ty TNHH Phát Triển Thái Dương hợp tác thực hiện dự án trồng chuối cây mô và mít ứng dụng công nghệ cao theo hợp đồng hợp tác kinh doanh ("HTKD") ngày 31 tháng 7 năm 2018, theo đó:

- Vốn góp mỗi bên lần lượt là 6 tỷ VND và 9 tỷ VND, tương đương tỷ lệ vốn góp của mỗi bên là 40:60;
- Lợi nhuận sau thuế từ dự án này được chia theo tỷ lệ mỗi bên là 55:45;
- Thời gian hợp tác là 10 năm từ 1 tháng 8 năm 2018 đến 31 tháng 7 năm 2028.

Công ty và Công ty TNHH MTV Kizuna Bà Rịa Vũng Tàu hợp tác thực hiện dự án trồng chuối cây mô ứng dụng công nghệ cao theo hợp đồng hợp tác kinh doanh số 01/2020/HĐHTKD ngày 8 tháng 5 năm 2020, theo đó:

- Vốn góp mỗi bên lần lượt là 20 tỷ VND và 20 tỷ VND, tương đương tỷ lệ vốn góp của mỗi bên là 50:50;
- Lợi nhuận sau thuế từ dự án này được chia theo tỷ lệ mỗi bên là 50:50;
- Thời gian hợp tác là 10 năm từ 8 tháng 5 năm 2020 đến 7 tháng 5 năm 2030.

Kế toán đối với các hợp đồng hợp tác kinh doanh này như sau:

- Khoản vốn mà Công ty nhận được từ đối tác được ghi nhận và trình bày trong khoản mục "phải trả dài hạn khác" trên Bảng cân đối kế toán, trong trường hợp nếu khoản vốn góp phải hoàn trả cho đối tác trong vòng 12 tháng tới sẽ được trình bày như khoản "phải trả ngắn hạn khác" trên Bảng cân đối kế toán.
- Doanh thu, chi phí và lợi nhuận liên quan đến hoạt động từ hợp tác kinh doanh này được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty là các khoản tương ứng phần được chia/được phân bổ theo thỏa thuận của HTKD.



CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

3.15 Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu từ lãi tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn

Doanh thu từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

Doanh thu từ cổ tức được chia

Doanh thu từ cổ tức được chia được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

3.16 Quỹ tiền lương

Tiền lương được tính và ghi nhận vào chi phí trong năm tài chính này căn cứ theo Quyết định giao đơn giá tiền lương năm 2020 của Hội đồng Quản trị Công ty.

3.17 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được cổ đông thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên như sau:

- Quỹ đầu tư phát triển được trích lập nhằm phục vụ việc đầu tư mở rộng của Công ty;
- Quỹ khen thưởng phúc lợi được trích lập để khen thưởng và nâng cao phúc lợi cho nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán.

3.18 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu là lãi trên cổ phiếu có tính đến tác động của công cụ trong tương lai có thể được chuyển đổi thành cổ phiếu và pha loãng giá trị cổ phiếu, được tính bằng cách lấy lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

3.19 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") trong năm, nếu có, bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến các năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp số dư nợ trên bảng cân đối kế toán, dựa trên các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích thuế. Giá trị của khoản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả được dự kiến sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế có liên quan sẽ được thực hiện.

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp

Theo quy định hiện hành, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20% trên lợi nhuận chịu thuế. Riêng đối với các hoạt động trồng trọt, chế biến nông sản thực hiện tại Nông trường Hoà Bình 2, Nông trường Phong Phú thuộc địa bàn kinh tế - xã hội khó khăn (huyện Châu Đức và huyện Xuyên Mộc), Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất thu nhập doanh nghiệp là 10% trên lợi nhuận chịu thuế.

3.20 Các bên có liên quan

Các bên được xem là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định tài chính và hoạt động, các bên cũng được xem là liên quan nếu cùng được kiểm soát hoặc cùng chịu ảnh hưởng đáng kể của một bên thứ ba.

Các công ty sau đây được xem là các bên có liên quan :

Công ty	Địa điểm	Quan hệ
Công ty TNHH Hưng Nhơn	Bà Rịa, Việt Nam	Cổ đông
Công ty TNHH Phân bón Hữu cơ Bách Tùng	Bà Rịa, Việt Nam	Bên liên quan

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2020 VND	31/12/2019 VND
Tiền mặt tồn quỹ - VND	175.435.808	283.906.419
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn - VND	14.338.969.668	972.682.190
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn - VND (không quá 3 tháng)	8.000.000.000	-
	22.514.405.476	1.256.588.609

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

4.2 Đầu tư tài chính

(a) Đầu tư tài chính ngắn hạn

	31/12/2020 VND	31/12/2019 VND
<i>Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn</i>		
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn với lãi suất từ 4,9% - 6,8%/ năm	147.000.000.000	168.000.000.000
	147.000.000.000	168.000.000.000

(b) Đầu tư tài chính dài hạn

	31/12/2020 VND	31/12/2019 VND
<i>Đầu tư dài hạn khác</i>		
Góp vốn vào Công ty Baria Serece	26.811.175.704	26.811.175.704
<i>Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn</i>		
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn - lãi suất từ 4,9% - 7,6%/ năm	30.000.000.000	-
Trái phiếu ngân hàng (kỳ hạn 7 năm)	500.000.000	-
	57.311.175.704	26.811.175.704

Khoản vốn góp trong Công ty cổ phần dịch vụ xuất nhập khẩu nông lâm sản và phân bón Baria Serece là 1.796.000 USD tương đương với 26.811.175.704 VND theo tỷ giá tại thời điểm góp vốn, chiếm tỷ lệ 12% vốn điều lệ của công ty này. Trong năm 2020, Công ty được chia và nhận được cổ tức từ khoản đầu tư này là 40.503.000.000 VND.

4.3 Các khoản phải thu khách hàng ngắn hạn

	31/12/2020 VND	31/12/2019 VND
Công ty TNHH Phát Hưng Tây Ninh	4.099.180.000	4.099.180.000
Công ty Cổ phần Cao su Việt Phú Thịnh	-	2.898.000.000
Các khách hàng khác	2.608.694.263	3.725.889.512
Cộng phải thu khách hàng	6.707.874.263	8.752.891.100
Dự phòng phải thu khó đòi (thuyết minh 4.6)	(4.697.235.675)	(4.757.735.675)
Giá trị thuần	2.010.638.588	3.995.155.425

4.4 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2020 VND	31/12/2019 VND
Công ty Cổ Phần Công Nghệ Nông Nghiệp Xanh	3.269.975.600	-
Công ty TNHH Đại Thiên Tân	686.250.000	-
Công ty Cổ Phần Đất Đỏ	340.000.000	340.000.000
Bên thứ ba - khác	605.020.000	-
	4.901.245.600	340.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THÔNG NHẤT
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

4.5 Các khoản phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2020 VND	31/12/2019 VND
Lãi dự thu	6.463.213.890	5.697.711.111
Ứng trước thù lao Hội đồng Quản trị và Ban kiểm toán nội bộ	-	382.000.000
Tạm ứng nhân viên	8.000.000	177.939.600
Ký quỹ thuê máy photo	5.000.000	5.000.000
Phải thu bên đối tác của HTKD	-	320.754.677
Phải thu khác	608.268.568	704.116.765
Cộng phải thu khác	7.084.482.458	7.287.522.153
Dự phòng phải thu khó đòi (thuyết minh 4.6)	(317.820.000)	(317.820.000)
Giá trị thuần	6.766.662.458	6.969.702.153

4.6 Nợ quá hạn và Dự phòng phải thu khó đòi

	Số dư nợ quá hạn VND	31/12/2020 trong đó, lập dự phòng VND	Số dư nợ quá hạn VND	31/12/2019 trong đó, lập dự phòng VND
Phải thu khách hàng	4.697.235.675	4.697.235.675	4.757.735.675	4.757.735.675
Phải thu khác	317.820.000	317.820.000	317.820.000	317.820.000
	5.015.055.675	5.015.055.675	5.075.555.675	5.075.555.675

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2020, trong số dư nợ quá hạn bao gồm 4.417.000.000 VND là khoản phải thu từ Doanh nghiệp tư nhân Phát Hưng phát sinh từ năm 2006 và 598.055.675 VND là khoản nợ khó đòi từ các khách hàng của Nhà máy chế biến thức ăn gia súc Hưng Long.

Tình hình tăng giảm dự phòng các khoản phải thu khó đòi như sau:

	2020 VND	2019 VND
Số dư đầu năm	5.075.555.675	5.181.555.675
Hoàn nhập trong năm	(60.500.000)	(106.000.000)
Số dư cuối năm	5.015.055.675	5.075.555.675

Đến ngày 31 tháng 12 năm 2020, các khoản nợ phải thu khó đòi đã được xóa nợ là 323.970.569 VND.

4.7 Hàng tồn kho

	31/12/2020 VND	31/12/2019 VND
Nguyên vật liệu	4.230.096.900	2.845.795.237
Công cụ dụng cụ	771.748.607	806.691.229
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	8.047.363.287	6.325.688.065
Thành phẩm	11.862.327.154	15.539.884.412
Cộng giá gốc hàng tồn kho	24.911.535.948	25.518.058.943
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
	24.911.535.948	25.518.058.943

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THÔNG NHẤT
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

4.8 Tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Dụng cụ quản lý VND	Vườn cây cao su VND	Vườn cây mít VND	Cộng VND
Nguyên giá							
Số dư 01/01/2020	43.224.032.686	22.530.819.189	6.489.832.989	374.828.167	57.404.779.168	-	130.024.292.199
Tăng từ XDCB	1.154.853.637	810.491.500	-	43.022.727	11.580.678.535	1.379.935.656	14.968.982.055
Mua sắm tài sản	-	77.500.000	590.909.091	-	-	-	668.409.091
Thanh lý	-	-	-	-	(6.667.424.402)	-	(6.667.424.402)
Số dư 31/12/2020	44.378.886.323	23.418.810.689	7.080.742.080	417.850.894	62.318.033.301	1.379.935.656	138.994.258.943
Giá trị hao mòn lũy kế							
Số dư 01/01/2020	35.324.309.425	16.838.495.421	3.553.214.290	374.828.167	13.179.691.419	-	69.270.538.722
Khấu hao	1.943.166.059	1.610.483.551	579.089.983	5.736.364	3.032.208.215	86.245.978	7.256.930.150
Thanh lý	-	-	-	-	(2.748.892.005)	-	(2.748.892.005)
Số dư 31/12/2020	37.267.475.484	18.448.978.972	4.132.304.273	380.564.531	13.463.007.629	86.245.978	73.778.576.867
Giá trị còn lại							
Ngày 01/01/2020	7.899.723.261	5.692.323.768	2.936.618.699	-	44.225.087.749	-	60.753.753.477
Ngày 31/12/2020	7.111.410.839	4.969.831.717	2.948.437.807	37.286.363	48.855.025.672	1.293.689.678	65.215.682.076

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2020, nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 42.839.179.278 VND (31 tháng 12 năm 2019 là 36.943.119.007 VND).

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2020, giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình ngưng sử dụng chờ thanh lý là 2.053.661.417 VND (31 tháng 12 năm 2019 là 2.884.277.969 VND).

Trong tài sản cố định hữu hình bao gồm tài sản cố định được hình thành từ quỹ phúc lợi đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với nguyên giá là 309.851.108 VND.

Trong năm, Công ty đã thanh lý vườn cây cao su để trồng mới tại Nông trường Phong Phú và Hòa Bình 2 và chi tiết như sau :

Nông trường/Đội	Số lượng cây	Nguyên giá VND	Giá trị hao mòn lũy kế VND	Giá trị còn lại VND
- Phong Phú	36.385	3.887.373.716	(1.439.709.844)	2.447.663.872
- Hòa Bình 2	28.085	2.780.050.686	(1.309.182.161)	1.470.868.525
	64.470	6.667.424.402	(2.748.892.005)	3.918.532.397

4.9 Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm quản lý vườn cây VND
Nguyên giá	
Vào ngày 01/01/2020	340.000.000
Vào ngày 31/12/2020	340.000.000
Giá trị hao mòn lũy kế	
Vào ngày 01/01/2020	283.333.335
Khấu hao trong năm	56.666.665
Vào ngày 31/12/2020	340.000.000
Giá trị còn lại	
Vào ngày 01/01/2020	56.666.665
Vào ngày 31/12/2020	-

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2020, nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 340.000.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

4.10 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Vào ngày 01/01/2020 VND	Tăng trong năm VND	Kết chuyển TSCĐ VND	Điều chỉnh giảm VND	Vào ngày 31/12/2020 VND
Vườn cây cao su tại Nông trường Hòa Bình 2	47.874.702.475	3.389.269.674	(8.467.874.772)	(80.545.048)	42.715.552.329
Vườn cây cao su tại Nông trường Phong Phú	7.369.514.882	650.566.581	(3.112.803.763)	(7.677.271)	4.899.600.429
Chi phí XDCB khác	936.467.524	5.400.672.989	(3.388.303.520)	-	2.948.836.993
	56.180.684.881	9.440.509.244	(14.968.982.055)	(88.222.319)	50.563.989.751

4.11 Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2020 VND	31/12/2019 VND
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	213.899.903	164.910.087
Chi phí cải tạo nhà máy và cơ sở hạ tầng của nông trường	247.142.368	1.207.764.332
Chi phí liên quan dự án trồng chuối	1.670.303.523	2.466.062.472
Chi phí khác	219.158.285	34.981.459
	2.350.504.079	3.873.718.350

Tình hình tăng giảm chi phí trả trước dài hạn như sau:

	2020 VND	2019 VND
Số dư đầu năm	3.873.718.350	1.729.630.529
Tăng trong năm	2.499.525.311	4.271.010.151
Phân bổ trong năm	(4.022.739.582)	(2.126.922.330)
Số dư cuối năm	2.350.504.079	3.873.718.350

4.12 Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

	31/12/2020 VND	31/12/2019 VND
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh từ chênh lệch tạm thời được khấu trừ:		
- Dự phòng phải thu khó đòi	114.379.021	126.479.021
	114.379.021	126.479.021

Tình hình biến động của thuế thu nhập hoãn lại như sau:

	2020 VND	2019 VND
Số dư đầu năm	126.479.021	141.679.021
Ghi nhận vào chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	(12.100.000)	(15.200.000)
Số dư cuối năm	114.379.021	126.479.021

Thuế suất được sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại là 20%.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THÔNG NHẤT
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

4.13 Phải trả người bán - ngắn hạn

	31/12/2020 VND	31/12/2019 VND
Công ty TNHH MTV Kyzuna BRVT	192.760.114	-
Công ty TNHH Quốc Tế Nông nghiệp Vàng	164.680.000	-
Công ty Cổ phần SOP Phú Mỹ	160.600.000	-
Công ty TNHH Phân bón Kiến Khoa	114.750.000	-
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Hai Sơn	-	648.538.865
Nguyễn Thị Thu Hồng	57.085.601	92.000.731
Các nhà cung cấp khác	63.576.133	177.892.523
	753.451.848	918.432.119

4.14 Thuế

Thuế giá trị gia tăng ("GTGT") được khấu trừ

	2020 VND	2019 VND
Số dư đầu năm	-	-
Phát sinh trong năm:		
- Thuế GTGT đầu vào được khấu trừ	708.529.506	654.489.584
- Thuế GTGT đầu vào đã khấu trừ	(708.529.506)	(654.489.584)
Số dư cuối năm	-	-

Thuế và các khoản (phải thu)/phải nộp Nhà nước

	Vào ngày 01/01/2020 (phải thu)/phải trả VND	Phải nộp trong năm VND	Đã nộp trong năm VND	Vào ngày 31/12/2020 (phải thu)/phải trả VND
Thuế giá trị gia tăng	649.595.719	1.263.257.360	(1.876.068.305)	36.784.774
Thuế thu nhập doanh nghiệp (*)	140.267.794	2.269.458.305	(2.761.925.762)	(352.199.663)
Thuế thu nhập cá nhân	(2.730.805)	598.384.945	(576.572.163)	19.081.977
Thuế tài nguyên	998.400	10.458.880	(10.464.960)	992.320
Tiền thuê đất	-	2.128.942.040	(2.128.942.040)	-
Lệ phí môn bài	-	7.000.000	(7.000.000)	-
Khác	-	28.580.483	(28.580.483)	-
Tổng cộng	788.131.108	6.306.082.013	(7.389.553.713)	788.131.108
Trong đó:				
Phải trả	790.861.913			56.859.071
Phải thu	(2.730.805)			(352.199.663)

(*) Thuế thu nhập phải nộp trong năm bao gồm:

	VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty	2.207.841.482
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Thái Dương – đối tác của HTKD	61.616.823
	2.269.458.305

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

4.15 Chi phí phải trả

	31/12/2020 VND	31/12/2019 VND
Chi phí ăn giữa ca	99.410.000	308.056.148
Chi phí phụ cấp cho người lao động	-	976.173.703
Chi phí khác	50.000.000	127.146.275
	149.410.000	1.411.376.126

4.16 Phải trả khác

	31/12/2020 VND	31/12/2019 VND
Ngắn hạn		
Cổ tức phải trả	1.322.627.968	1.257.752.468
Nhà thầu xây dựng ký quỹ bảo lãnh, bảo hành	585.966.200	643.883.356
Phải trả bên đối tác của HTKD	233.796.723	-
Phải trả khác	256.470.260	256.071.118
	2.398.861.151	2.157.706.942
Dài hạn		
Phải trả bên đối tác của HTKD - nhận góp vốn		
- Công ty TNHH Phát Triển Thái Dương	9.000.000.000	9.000.000.000
- Công ty TNHH MTV Kizuna Bà Rịa Vũng Tàu	8.000.000.000	-
	17.000.000.000	9.000.000.000

Trong khoản phải trả ngắn hạn khác bao gồm 247.426.902 VND là công nợ thâm canh cà phê nhận bàn giao từ Công ty Cà phê Đồng Nai vào ngày 27 tháng 4 năm 1994 phải trả cho Tổng công ty Cà phê Việt Nam.

4.17 Quỹ khen thưởng phúc lợi

	2020 VND	2019 VND
Số dư đầu năm	8.780.849.098	8.309.046.608
Trích lập quỹ từ phân phối lợi nhuận	6.790.770.000	6.965.963.670
Sử dụng quỹ trong năm	(5.441.812.277)	(6.494.161.180)
Số dư cuối năm	10.129.806.821	8.780.849.098

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

4.18 **Vốn chủ sở hữu**

Tình hình tăng giảm vốn chủ sở hữu và các quỹ

	Vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Cộng VND
Năm trước				
Số dư 01/01/2019	192.500.000.000	94.077.963.251	27.193.512.073	313.771.475.324
Lợi nhuận trong năm	-	-	38.062.804.106	38.062.804.106
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	1.396.048.403	(1.396.048.403)	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	(6.965.963.670)	(6.965.963.670)
Chia cổ tức	-	-	(18.287.500.000)	(18.287.500.000)
Thù lao Hội đồng Quản trị và Ban kiểm toán nội bộ	-	-	(544.000.000)	(544.000.000)
Số dư 31/12/2019	192.500.000.000	95.474.011.654	38.062.804.106	326.036.815.760
Năm nay				
Số dư 01/01/2020	192.500.000.000	95.474.011.654	38.062.804.106	326.036.815.760
Lợi nhuận trong năm	-	-	54.898.084.826	54.898.084.826
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	(6.790.770.000)	(6.790.770.000)
Chia cổ tức	-	-	(28.875.000.000)	(28.875.000.000)
Thù lao Hội đồng Quản trị và Ban kiểm toán nội bộ	-	-	(574.560.000)	(574.560.000)
Số dư 31/12/2020	192.500.000.000	95.474.011.654	56.720.558.932	344.694.570.586

Trong năm 2020, các Quỹ khen thưởng phúc lợi và thù lao Hội đồng Quản trị và Ban kiểm toán nội bộ được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 vào ngày 12 tháng 6 năm 2020.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

Tình hình tăng giảm vốn chủ sở hữu và các quỹ (tiếp theo)

Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức

	2020 VND	2019 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	192.500.000.000	192.500.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	192.500.000.000	192.500.000.000
Chia cổ tức trong năm	28.875.000.000	18.287.500.000

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 vào ngày 12 tháng 6 năm 2020, cổ tức năm 2019 được chia theo tỷ lệ 15% (2018: 9,5%).

Cổ phiếu

- Cổ phiếu phổ thông

	31/12/2020	31/12/2019
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	19.250.000	19.250.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	19.250.000	19.250.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	19.250.000	19.250.000
Mệnh giá cổ phiếu	10.000 VND/CP	10.000 VND/CP

- Cổ phiếu ưu đãi : không có

5 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

5.1 Doanh thu thuần

	2020 VND	2019 VND
Doanh thu		
Doanh thu bán mủ cao su	38.486.713.492	51.291.270.000
Doanh thu bán chuỗi	19.954.278.775	8.500.812.850
Trừ: Doanh thu bán chuỗi phân bổ cho bên đối tác của HTKD	(5.785.147.530)	(3.353.788.508)
Doanh thu khác	1.030.515.000	3.106.488.620
	53.686.359.737	59.544.782.962
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Doanh thu thuần	53.686.359.737	59.544.782.962

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

5.2 Giá vốn hàng bán

	2020 VND	2019 VND
Giá vốn bán mũ cao su	36.594.432.250	46.407.940.513
Giá vốn bán chuỗi	17.533.901.544	8.845.267.524
Trừ: Giá vốn bán chuỗi phân bổ cho bên đối tác của HTKD	(5.221.052.632)	(3.674.543.185)
Giá vốn khác	152.108.688	3.266.014.992
	49.059.389.850	54.844.679.844

Chi tiết giá vốn hàng bán theo yếu tố

	2020 VND	2019 VND
Chi phí nguyên vật liệu	16.047.231.903	20.629.416.547
Chi phí nhân công	23.225.931.847	26.085.766.388
Chi phí khấu hao tài sản cố định	6.044.431.827	6.128.206.737
Chi phí dụng cụ sản xuất	5.954.638.163	8.010.322.327
Chi phí gia công	-	803.091.702
Chi phí khác	1.052.326.706	3.541.491.034
Giá vốn phân bổ cho bên đối tác của HTKD	(5.221.052.632)	(3.674.543.185)
Chênh lệch sản phẩm dở dang đầu năm và cuối năm	(1.721.675.222)	(5.291.555.474)
Chênh lệch thành phẩm đầu năm và cuối năm	3.677.557.258	(1.387.516.232)
	49.059.389.850	54.844.679.844

5.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	2020 VND	2019 VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	12.707.360.189	10.581.199.513
Cổ tức được chia	40.503.000.000	33.480.000.239
	53.210.360.189	44.061.199.752

5.4 Chi phí bán hàng

	2020 VND	2019 VND
Chi phí kiểm định sản phẩm	-	11.235.000
Chi phí bốc xếp	43.715.000	69.790.000
Chi phí khác	-	9.418.182
	43.715.000	90.443.182

5.5 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2020 VND	2019 VND
Chi phí nhân viên quản lý	7.523.880.816	3.841.002.232
Vật liệu, dụng cụ thiết bị văn phòng	30.431.925	37.194.439
Chi phí khấu hao tài sản cố định	438.548.436	432.812.077
Thuế, phí và lệ phí	16.512.368	3.000.000
Trợ cấp thôi việc	661.687.650	565.327.818
Hoàn nhập dự phòng nợ phải thu khó đòi	(60.500.000)	(106.000.000)
Chi phí khác	2.298.582.822	1.742.408.258
	10.909.144.017	6.515.744.824

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

5.6 Thu nhập khác	2020 VND	2019 VND
Thu thanh lý cây cao su	14.111.070.000	4.681.341.500
Thu thanh lý tài sản cố định	-	312.727.373
Giá trị còn lại của tài sản thanh lý	(3.918.532.397)	(2.157.744.304)
Chi phí thanh lý tài sản	(159.241.830)	(91.333.250)
Thu nhập từ thanh lý tài sản cố định	10.033.295.773	2.744.991.319
Thu khác	1.157.027.365	589.485.372
	11.190.323.138	3.334.476.691
5.7 Chi phí khác	2020 VND	2019 VND
Tiền thuê đất phải nộp thêm cho giai đoạn từ năm 2007 đến năm 2018 theo biên bản kiểm tra của Kiểm toán Nhà nước và Thanh tra tỉnh	-	5.418.363.068
Tiền thuê đất của Xí nghiệp Phước Hưng năm 2019 (ngưng hoạt động)	-	570.984.960
Chi phí khấu hao tài sản cố định	830.616.552	41.117.343
Chi phí khác	126.151.337	44.806.880
	956.767.889	6.075.272.251
5.8 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	2020 VND	2019 VND
Chi phí thuế TNDN hiện hành	2.207.841.482	1.247.180.951
Chi phí thuế TNDN hoãn lại (thuyết minh 4.12)	12.100.000	15.200.000
	2.219.941.482	1.262.380.951
<i>Chi phí thuế TNDN hiện hành</i>	2020 VND	2019 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	57.118.026.308	39.325.185.057
Các khoản điều chỉnh để xác định thu nhập chịu thuế:		
Chi phí không được khấu trừ	194.000.000	73.510.393
Thu nhập không chịu thuế (cổ tức được nhận)	(40.503.000.000)	(33.480.000.239)
Chênh lệch tạm thời: Dự phòng phải thu khó đòi	(60.500.000)	(76.000.000)
Lợi nhuận chịu thuế	16.748.526.308	5.842.695.211
Chi phí thuế TNDN được tính trên lợi nhuận chịu thuế năm hiện hành		
Trong đó:		
- theo thuế suất ưu đãi 10%	195.646.003	36.833.350
- theo thuế suất phổ thông 20%	2.958.413.257	1.094.587.525
Thuế TNDN được giảm 30% (*)	(946.217.778)	-
	2.207.841.482	1.131.420.875
Chi phí thuế TNDN nộp bổ sung các năm trước	-	115.760.076
Chi phí thuế TNDN hiện hành	2.207.841.482	1.247.180.951

(*) Công ty được giảm 30% thuế thu nhập doanh nghiệp cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 theo Nghị định số 114/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THÔNG NHẤT
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

5.9 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	2020	2019 (trình bày lại)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	54.898.084.826	38.062.804.106
Trừ: Quỹ khen thưởng phúc lợi và thù lao Hội đồng Quản trị, Ban kiểm toán nội bộ (VND) (*)	<u>(8.223.450.000)</u>	<u>(7.365.330.000)</u>
Lợi nhuận sau thuế thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	<u>46.674.634.826</u>	<u>30.697.474.106</u>
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	19.250.000	19.250.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm/ được chuyển đổi từ trái phiếu chuyển đổi	-	-
Số lượng cổ phiếu bình quân lưu hành đã được điều chỉnh do ảnh hưởng pha loãng trong năm	<u>19.250.000</u>	<u>19.250.000</u>
Lãi trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)		
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.425	1.595
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	2.425	1.595

(*) Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho năm tài chính 2019 đã được điều chỉnh lại để phản ánh khoản trích quỹ khen thưởng phúc lợi và thù lao Hội đồng Quản trị, Ban kiểm toán nội bộ từ lợi nhuận sau thuế của năm tài chính 2019 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên vào ngày 12 tháng 6 năm 2020.

Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho năm tài chính 2020 được điều chỉnh giảm cho khoản quỹ khen thưởng phúc lợi dự kiến được trích lập theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên vào ngày 12 tháng 6 năm 2020.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

6. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh bao gồm: nông nghiệp và khác (chủ yếu là đầu tư)

Kết quả kinh doanh cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và ngày 31 tháng 12 năm 2019 Đơn vị tính : triệu VND

	Nông nghiệp		Khác		Cộng	
	2020	2019	2020	2019	2020	2019
Doanh thu bán cho bên ngoài						
Giá vốn	52.656	59.545	1.031	-	53.686	59.545
Doanh thu tài chính	(48.907)	(54.844)	(152)	-	(49.059)	(54.844)
Chi phí tài chính	-	-	53.210	44.061	53.210	44.061
Lãi/ (lỗ) khác	-	-	-	(89)	-	(89)
Kết quả bộ phận	10.104	(2.971)	129	230	10.233	(2.741)
Chi phí không phân bổ						
Chi phí thuế TNDN						
Lợi nhuận sau thuế	13.853	1.640	54.218	44.291	68.071	45.931
					(10.953)	(6.601)
					(2.220)	(1.262)
					54.898	38.063
Chi phí mua sắm tài sản	13.409	11.554	-	-	13.409	11.554
Chi phí khấu hao	7.314	6.602	-	-	7.314	6.602

Tài sản và nợ phải trả theo bộ phận vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và ngày 31 tháng 12 năm 2019 Đơn vị tính : triệu VND

	Nông nghiệp		Khác		Cộng	
	31/12/2020	31/12/2019	31/12/2020	31/12/2019	31/12/2020	31/12/2019
Tài sản bộ phận	165.238	153.376	218.774	200.509	384.012	353.885
Tài sản không phân bổ	-	-	-	-	-	-
Cộng tài sản	165.238	153.376	218.774	200.509	384.012	353.885
Nợ phải trả bộ phận	39.318	27.848	-	-	39.318	27.848
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	-	-	-
Cộng nợ phải trả	39.318	27.848	-	-	39.318	27.848

Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý không được lập, và Công ty hoạt động trong lãnh thổ Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

7. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính :

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác. Mục đích chính của các khoản nợ tài chính này là nhằm duy động nguồn tài chính phục vụ các hoạt động của Công ty.

Công ty có các tài sản tài chính như : các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, tiền mặt và tiền gửi ngân hàng phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Công ty.

Đơn vị tính : Triệu VND

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	31/12/2020	31/12/2019	31/12/2020	31/12/2019
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	22.514	1.257	22.514	1.257
Đầu tư tài chính (tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và trái phiếu)	177.500	168.000	177.500	168.000
Phải thu khách hàng	2.011	3.995	2.011	3.995
Phải thu khác	6.767	6.588	6.767	6.588
	208.792	179.840	208.792	179.840
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả người bán	753	918	753	918
Các khoản phải trả khác	18.226	11.311	18.226	11.311
	18.979	12.229	18.979	12.229

Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính không được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và ngày 31 tháng 12 năm 2019. Tuy nhiên Ban Giám đốc ước tính giá trị hợp lý của những tài sản và nợ phải trả tài chính này không có sự khác biệt trọng yếu với giá trị ghi sổ của chúng tại ngày kết thúc năm tài chính.

Công ty có thể gặp phải các rủi ro thị trường và rủi ro tín dụng.

- Rủi ro thị trường : Rủi ro do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền gửi ngân hàng và khi lãi suất giảm làm thu nhập tài chính của Công ty giảm.
- Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng giao dịch không thực hiện được các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng), tuy nhiên :

Phải thu khách hàng : Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi các khoản phải thu khách hàng chưa thu được.

Tiền gửi ngân hàng : Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng có uy tín tại Việt Nam. Ban Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng đáng kể nào từ các tài khoản tiền gửi này.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THÔNG NHẤT
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

8. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

8.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các giao dịch phát sinh với các bên có liên quan trong năm như sau :

	2020 VND	2019 VND
Công ty TNHH Hưng Nhơn		
Bán cây cao su thanh lý	59.570.000	198.140.000
Công ty TNHH Phân bón Hữu cơ Bách Tùng		
Mua nguyên liệu	72.072.000	499.362.000

Thù lao cho các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc trong năm như sau :

	2020 VND	2019 VND
Lương, thưởng và phụ cấp	<u>1.987.200.000</u>	<u>1.959.660.000</u>

8.2 Tiền thuê đất

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2020, Công ty đang thuê đất của Nhà nước với tổng diện tích khoảng 2.194 ha, trong đó diện tích đất nông nghiệp khoảng 2.184 ha và đất phi nông nghiệp khoảng 10 ha; tiền thuê đất được trả hàng năm theo thông báo của cơ quan thuế địa phương. Tiền thuê đất phải trả trong năm 2020 được nêu tại thuyết minh 4.14.

8.3 Sự kiện quan trọng trong năm tài chính và sau ngày kết thúc năm tài chính

COVID-19

Vào tháng 3 năm 2020, Tổ chức Y tế Thế giới đã công bố COVID-19 là một đại dịch toàn cầu. COVID-19 gây ra mối đe dọa nghiêm trọng đến sức khỏe cộng đồng; làm gián đoạn sự đi lại của mọi người và việc lưu thông hàng hóa trên toàn thế giới và làm ảnh hưởng đến kinh tế toàn cầu. Ban giám đốc của Công ty đã xem xét các ảnh hưởng của Covid-19 đến hoạt động của Công ty và kết quả ảnh hưởng, và cho rằng hiện tại sự ảnh hưởng của Covid-19 đến báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 là không đáng kể; tuy nhiên, sự ảnh hưởng chính xác đến hoạt động của Công ty trong năm tới là chưa thể dự đoán được.

Sự kiện khác

Ngoài sự kiện trên, không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc năm tài chính đưa đến yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong thuyết minh trong Báo cáo tài chính.



NGUYỄN NHẬT THÀNH LÂM
 Tổng Giám đốc
 TP. Bà Rịa, ngày 15 tháng 3 năm 2021

TRẦN HỮU TRÍ
 Kế toán trưởng/người lập bảng